

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNST

Ngày: 14/8/2020

V/v: “Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải** – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Nhân**

2. Bà **Trần Vĩnh Hạnh**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335/2020/QĐXX ST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn N, sinh năm 1950.

Nơi cư trú: Số 123/6, khu vực BD, phường LH, quận BT, thành phố CT;

Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1951

Địa chỉ: Số 123/6, khu vực BD, phường LH, quận BT, thành phố CT.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phần trình bày của nguyên đơn theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2019 và trong quá trình tố tụng như sau:

Vào năm 1969, ông N và bà C qua thời gian quen biết và được sự chấp thuận của gia đình nên ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, giữa ông bà có 06 con chung là 1. Ông Trương Phi H, sinh năm 1970; 2. Ông Trương Hữu Ph, sinh năm 1972; 3. Bà Trương Thị Thanh Th, sinh năm 1974; 4. Ông Trương Nhật Tr, sinh năm 1978; 5. Bà Trương Thị Tr, sinh năm 1980; 6. Bà Trương Thị Phương D, sinh năm 1990; 7. Trương Hoài Th (đã chết lúc nhỏ). Giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn từ mấy mươi năm nay, do bất đồng quan điểm sống, ông bà thường hay cãi vã, ông bà cũng đã ly thân với nhau. Đến nay thì cả hai không tìm được tiếng nói chung trong gia đình từ đó ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, hiện tại mâu thuẫn đã trầm trọng không thể giải quyết được. Nay nhận thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này, vì vậy ông có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Bình Thủy giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị C.

Về con chung: Giữa ông bà có với nhau 07 người con, cụ thể: 1. Ông Trương Phi H, sinh năm 1970; 2. Ông Trương Hữu Ph, sinh năm 1972; 3. Bà Trương Thị Thanh Th, sinh năm 1974; 4. Ông Trương Nhật Tr, sinh năm 1978; 5. Bà Trương Thị Tr, sinh năm 1980; 6. Bà Trương Thị Phương D, sinh năm 1990; 7. Trương Hoài Th (đã chết lúc nhỏ), 06 người con còn lại đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/7/2020 cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị C trình bày như sau:

Bà Trần Thị C và ông Trương Văn N sống với nhau từ năm 1969 đến nay đã 51 năm. Quá trình chung sống thời gian đầu giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống cả hai không phù hợp, ông N thường có mối quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác, tình cảm giữa ông bà rạn nứt, hôn nhân không hạnh phúc. Ông bà đã ly thân với nhau. Giữa ông bà có tổng cộng 07 người con chung: 1. Ông Trương Phi H, sinh năm 1970; 2. Ông Trương Hữu Ph, sinh năm 1972; 3. Bà Trương Thị Thanh Th, sinh năm 1974; 4. Ông Trương Nhật Tr, sinh năm 1978; 5. Bà Trương Thị Tr, sinh năm 1980; 6. Bà Trương Thị Phương D, sinh năm 1990; 7. Trương Hoài Th (đã chết lúc nhỏ). Bà đã nhiều lần hàn gắn, khuyên ông N quay về gia đình nhưng ông N vẫn không thay đổi, ông N không có trách nhiệm với gia đình, vợ, con. Ông N thường xuyên bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác một thời gian rồi trở về, cứ lặp đi lặp lại như vậy đến hôm nay. Bà đã chịu đựng cứ nghĩ để ông N thay đổi và trở về với gia đình. Nhưng ông N đã không suy nghĩ cho gia đình và gửi đơn đến Tòa án để ly hôn với bà nên bà không đồng ý ly hôn với ông N.

Về con chung: Giữa ông bà có với nhau 07 người con chung, cụ thể: 1. Ông Trương Phi H, sinh năm 1970; 2. Ông Trương Hữu Ph, sinh năm 1972; 3. Bà Trương Thị Thanh Th, sinh năm 1974; 4. Ông Trương Nhật Tr, sinh năm 1978; 5. Bà Trương Thị Tr, sinh năm 1980; 6. Bà Trương Thị Phương D, sinh năm 1990; 7. Trương Hoài Th (đã chết lúc nhỏ), 06 người con còn lại đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên do các bên đương sự không thống nhất được cách giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập được tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn và bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trương Văn N vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn với bà Trần Thị C; về con chung: đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết để ông bà tự thỏa thuận. Bị đơn bà Trần Thị C không thống nhất ly hôn, giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

Giữa ông Trương Văn N và bà Trần Thị C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1969, ông bà không đăng ký kết hôn, hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân thực tế nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp thuộc ngành Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Xét hôn nhân giữa ông Trương Văn N và bà Trần Thị C đã phát sinh mâu thuẫn mà theo nguyên nhân là do ông N, bà C bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng kéo dài. Cuộc sống vợ chồng không còn đồng cảm và hạnh phúc như thời gian đầu chung sống. Nhiều lần ông bà tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không mang lại kết quả tốt đẹp, vì vậy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương quan tâm và chăm sóc các thành viên trong gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, ông N nhất quyết ly hôn với bà C vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đồng thời bà C cũng xác định từ khi ông N thường xuyên bỏ gia đình đi ra ngoài thì bà đã không còn quan tâm đến sức khỏe hay tình hình ông N như thế nào. Mặc khác Tòa án đã cho ông N và bà C thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên đến nay bà C vẫn không đưa ra biện pháp hàn gắn và ông N cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử nhận thấy ông N không muốn duy trì cuộc sống hôn nhân. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy chấp thuận yêu cầu xin ly hôn của ông Trương Văn N đối với bà Trần Thị C là có cơ sở.

[4] Về con chung: Ông N và bà C cùng thừa nhận, ông bà có bảy người con chung, trong đó có 01 con chung đã chết từ nhỏ như đã trình bày, các con còn lại đều đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà C đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Ông Trương Văn N được xem xét miễn, giảm án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn N được ly hôn với bà Trần Thị C.
2. Về con chung: Điều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.
3. Tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên đương sự yêu cầu và có đủ cơ sở để chứng minh.
4. Về án phí: Ông Trương Văn N được miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát ND Q.Bình Thủy;
- Chi cục THADS Q.Bình Thủy;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hải